

Số: 06/QĐ-MNCPTS

Tiên Sơn, ngày 19 tháng 08 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc **Phê duyệt danh mục và dự toán mua sắm**
Cung cấp lương thực, thực phẩm, nguyên liệu cho bếp ăn, Cung cấp sữa bột
và Gas (chất đốt) cho Trường Mầm non C phường Tiên Sơn
Năm học 2025-2026

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG MẦM NON C PHƯỜNG TIÊN SƠN

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2025/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 59/2020/QH14, Luật số 56/2024/QH15;

Căn cứ Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước; số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 phủ về việc Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04/8/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ Giáo dục và đào tạo về việc ban hành điều lệ trường mầm non;

Xét đề nghị của Tổ mua sắm ngày 18/8/2025 của Tổ mua sắm về việc đề nghị phê duyệt danh mục cung cấp lương thực, thực phẩm, nguyên liệu cho bếp ăn trường học của Trường Mầm non C phường Tiên Sơn năm học 2025-2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Dự toán Cung cấp lương thực, thực phẩm, nguyên liệu cho bếp ăn, Cung cấp sữa bột và Gas(chất đốt) cho Trường Mầm non C phường

Tiên Sơn năm học 2025-2026, như sau:

1. Tổng giá trị dự toán mua sắm: **1.061.755.000**đồng (*Một tỷ, không trăm sáu mươi một triệu, bảy trăm năm mươi năm nghìn đồng*).
2. Danh mục tài sản đề nghị mua sắm: Theo phụ lục đính kèm.
3. Nguồn vốn: Nguồn thu dịch vụ tiền ăn bán trú.
4. Thời gian thực hiện: Năm học 2025-2026.
5. Đơn vị thực hiện: Trường Mầm non C phường Tiên Sơn.

Điều 2. Giao Tổ mua sắm triển khai quy trình tổ chức lựa chọn nhà thầu để mua sắm suất ăn bán trú cho trường Mầm non C phường Tiên Sơn năm học 2025-2026 theo quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Tổ trưởng Tổ mua sắm và các cá nhân, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG

Đào Thị Hương

BIỂU DỰ TOÁN CHI TIẾT

Dự toán mua nguyên liệu, thực phẩm phục vụ nuôi ăn bán trú cho trường Mầm non C phường Tiên Sơn - Năm học 2025-2026

STT	Tên thực phẩm	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	GAO CÁC LOẠI (Được đóng gói theo quy trình ISO, có hồ sơ công bố chất lượng sản phẩm, có minh chứng tem mác rõ ràng có truy xuất nguồn gốc (mã QR, mã vạch), ghi rõ ngày, tháng đóng gói, hạn sử dụng)				94.920.000
1	Gạo nếp	Kg	210	32.000	6.720.000
2	Gạo bắc thơm	Kg	4200	21.000	88.200.000
II	HÀNG KHÔ VÀ GIA VỊ				85.010.000
1	Nước mắm nam ngư đậm nhạt	Lít	124	24.000	2.976.000
2	Dầu ăn Neptune	Lít	230	64.000	14.720.000
3	Lạc hạt	Kg	45	60.000	2.700.000
4	Vừng	Kg	21	95.000	1.995.000
5	Đậu đen xanh lòng	Kg	15	84.000	1.260.000
6	Đậu xanh bỏ vỏ	Kg	150	44.000	6.600.000
7	Bánh đa phở (phở khô)	Kg	185	37.000	6.845.000
8	Bánh đa tằm(Bún khô)	Kg	185	32.000	5.920.000
9	Đường kính trắng	Kg	50	30.000	1.500.000
10	Muối hạt	Kg	33	12.000	396.000
11	Nấm hương khô	Kg	75	300.000	22.500.000
12	Miến dong	Kg	37	64.000	2.368.000
13	Bột sắn dây	Kg	26	160.000	4.160.000
14	Đậu đỏ	Kg	15	50.000	750.000
15	Bột canh hải châu	Kg	200	25.000	5.000.000
16	Nước cốt dừa	hộp	14	20.000	280.000
17	Hạt sen khô	Kg	28	180.000	5.040.000
III	THỦY HẢI SẢN TƯƠI SỐNG				101.560.000
1	Cá trắm	Kg	432	80.000	34.560.000
2	Ngao	Kg	100	22.000	2.200.000
3	Tôm biển	Kg	150	320.000	48.000.000
4	Cua đồng	Kg	70	240.000	16.800.000
IV	THỊT GIA SÚC, THỊT GIA CẦM				271.830.000
1	Xương đuôi	Kg	110	74.000	8.140.000
2	Sườn lợn nguyên tấm	Kg	170	142.000	24.140.000
3	Thịt lợn sấn móng	Kg	230	134.000	30.820.000
4	Thịt lợn nạc	Kg	120	144.000	17.280.000
5	Thịt vịt sc	Kg	530	110.000	58.300.000

6	Tim, cật	Kg	150	194.000	29.100.000
7	Thịt bò	Kg	130	250.000	32.500.000
8	Thịt gà ta lai sc	Kg	530	135.000	71.550.000
V	RAU CỦ QUẢ				106.396.000
1	Bí ngô non	Kg	350	16.000	5.600.000
2	Cải canh	Kg	130	32.000	4.160.000
3	Rau muống	Kg	200	18.000	3.600.000
4	Rau ngót	Kg	100	36.000	3.600.000
5	Rau răm	Kg	4,5	28.000	126.000
6	Thì là	Kg	4,5	60.000	270.000
7	Đậu phụ	Kg	170	22.000	3.740.000
8	Súp lơ	Kg	40	50.000	2.000.000
9	Đậu cô ve	Kg	50	32.000	1.600.000
10	Rau cải ngọt	Kg	50	32.000	1.600.000
11	Gấc	Kg	60	15.000	900.000
12	Su hào	Kg	35	28.000	980.000
13	Mướp	Kg	50	26.000	1.300.000
14	Giá đậu xanh	Kg	172	14.000	2.408.000
15	Củ cải trắng	Kg	75	14.000	1.050.000
16	Ngô ngọt	Kg	170	17.000	2.890.000
17	Khoai tây	Kg	200	18.000	3.600.000
18	Rau mồng tơi	Kg	200	26.000	5.200.000
19	Su su	Kg	340	16.000	5.440.000
20	Gừng tươi	Kg	15	36.000	540.000
21	Hành khô	Kg	40	40.000	1.600.000
22	Hành lá	Kg	110	42.000	4.620.000
23	Bắp cải	Kg	189	16.000	3.024.000
24	Bí đao (bí xanh)	Kg	380	18.000	6.840.000
25	Bí ngô (bí đỏ)	Kg	380	16.000	6.080.000
26	Cà chua	Kg	720	32.000	23.040.000
27	Cà rốt (củ đỏ, vàng)	Kg	500	20.000	10.000.000
28	Nghệ tươi	Kg	4	42.000	168.000
29	Tỏi	Kg	7,5	56.000	420.000
VI	TRỨNG				35.000.000
1	Trứng gà	Quả	4000	4.000	16.000.000
2	Trứng chim cút	Quả	20.000	950	19.000.000
VIII	TRÁI CÂY TRÁNG MIỆNG				75.264.000
1	Cam	Kg	350	32.000	11.200.000
2	Dưa hấu	Kg	1130	30.000	33.900.000
3	Dưa vàng	Kg	445	36.000	16.020.000
4	Thanh long	Kg	442	32.000	14.144.000
	TỔNG CỘNG				

****Danh mục sữa bột***

<i>STT</i>	<i>Tên thực phẩm</i>	<i>ĐVT</i>	<i>Số lượng</i>	<i>Đơn giá (VNĐ)</i>	<i>Thành tiền (VNĐ)</i>
<i>I</i>	<i>SỮA BỘT (SPDD)</i>				<i>237.900.000</i>
<i>1</i>	<i>Sữa GROW SCHOOL trên 2 tuổi</i>	<i>Kg</i>	<i>902</i>	<i>260.000</i>	<i>234.520.000</i>
<i>2</i>	<i>Sữa GROW PLUS trên 1 tuổi</i>	<i>Kg</i>	<i>13</i>	<i>260.000</i>	<i>3.380.000</i>
	<i>Cộng</i>				<i>237.900.000</i>

****Danh mục Ga (chất đốt)***

<i>STT</i>	<i>Tên thực phẩm</i>	<i>ĐVT</i>	<i>Số lượng</i>	<i>Đơn giá (VNĐ)</i>	<i>Thành tiền (VNĐ)</i>
<i>1</i>	<i>Ga</i>	<i>kg</i>	<i>2155</i>	<i>25.000</i>	<i>53.875.000</i>
	<i>Cộng</i>				<i>53.875.000</i>